TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 05 - 6 - 2019.
V/v tranh chấp: "Kiện xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Trịnh Văn Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1978.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972.

Cùng nơi ĐKNKTT: Tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Cùng địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 517, tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào ngày 15/11/2002 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được mười lăm năm. Thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu xảy ra việc bất đồng quan điểm sống. Anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị H vô cớ dẫn đến việc chị H bị căng thẳng tinh thần. Chị H cũng đã cố níu kéo cuộc sống gia đình bằng cách nhiều lần vợ chồng ngồi bàn bạc và nói chuyện rõ ràng để tìm cách giải tỏa những mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 8/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H nhận thấy vợ

chồng không còn tình cảm, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Ngọc D (con gái), sinh ngày 23/10/2003; Nguyễn Thành H1 (con trai), sinh ngày 27/3/2007. Khi vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thành H1 và để anh T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc D. Chị H không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không đến tòa để làm việc, vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

**** Tại phiên tòa hôm nay:*** Chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Khi vợ chồng ly hôn chị Lê Thị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc D và giao cháu Nguyễn Thành H1 cho anh Nguyễn Thanh T chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Thanh T đã được Tòa án thực hiện việc thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trình tự tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và thông báo thụ lý đúng quy định tại Điều 191; 195; 196; 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc xác minh thu thập chứng cứ: đã tiến hành thu thập đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán được phân công thụ lý vụ giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 209; 210; 211; trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán

Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý còn một số vi phạm, cụ thể như sau: Tại các biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 19/12/2018 và ngày 29/3/2019 đều không có xác nhận của Tòa án đã vi phạm khoản 2 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án không lập biên bản giao nhận biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí đã vi phạm khoản 2 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự; biên bản giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn ghi ngày 24/3/2019 là không đúng. Tuy các vi phạm trên là ít nghiêm trọng nhưng ảnh hưởng đến tính có căn cứ và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá tình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Bị đơn đã vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự khiến cho quá trình giải quyết vụ án bị kéo dài.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành H1 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc D cho anh Nguyễn Thanh T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

*** Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Kiện xin ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số nhà 10, ngõ 517, tổ 1, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thực hiện việc giao và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 15 tháng 11 năm 2002 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H, anh T đã chung sống với nhau được mười lăm năm. Thời gian gần đây giữa chị H và anh T mới nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống cả hai không còn chia sẻ tình cảm và cảm thông cho cá tính của nhau. Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, hay xảy ra việc cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Vì vậy cuộc hôn nhân rơi vào trạng thái căng thẳng không thể giải tỏa nổi. Chị H, anh T đã có thời gian sống ly thân khoảng gần một năm trở lại đây, trong thời gian sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau. Việc anh T đã biết chị H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh, chị nhưng anh T cố tình không đến tòa để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải cho thấy anh T cũng không còn tình cảm với chị H và không quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa. Mặt khác tại đơn đề nghị ngày 15/11/2018 do chị H nộp cho Tòa anh T cũng có quan điểm do chị H đi ngoại tình, phá vỡ hạnh phúc gia đình vì vậy anh không thể sống chung với chị H và đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là các cháu: Nguyễn Ngọc D (con gái), sinh ngày 23/10/2003; cháu Nguyễn Thành H1 (con trai), sinh ngày 27/3/2007. Tại biên bản tự khai cháu Nguyễn Ngọc D và cháu Nguyễn Thành H1 đều có nguyện vọng ở với bố. Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Ngọc D. Sau khi xem xét mọi mặt về điều kiện nuôi dậy con chung của đôi bên sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy cháu Nguyễn Ngọc D là con gái đang ở độ tuổi mới lớn cần sự quan tâm tận tình và chia sẻ về mặt tâm sinh lý từ mẹ vì vậy cần giao cháu

Nguyễn Ngọc D cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thành H1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của con chưa thành niên. Hai bên không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

* Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí ly hôn: Chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; 144; khoản 4 Điều 147; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung: Giao chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc D (con gái), sinh ngày 23/10/2003. Giao anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thành H1 (con trai), sinh ngày 27/3/2007. Về việc ấp dưỡng nuôi con chung chị H không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Lê Thị H được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001966 ngày 27/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hại 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường Minh Khai, TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Phạm Duy